

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VSC Green Logistics ("GIC");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025;
- Biên bản họp HĐQT ngày 23/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tài sản của bên có liên quan như sau:

- Đối tượng giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh ("GLC"). GLC là người có liên quan của cổ đông lớn của GIC - Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- Giá trị dự kiến: 61.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Nhóm tài sản dự kiến thực hiện giao dịch:
 - ✓ Nhà xưởng và/hoặc kho bãi;
 - ✓ Phương tiện vận tải;
 - ✓ Máy móc, thiết bị.

Điều 2: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thuê đơn vị thẩm định giá (nếu cần), đàm phán các nội dung cụ thể, ký kết các hợp đồng mua bán, các hồ sơ/giấy tờ đề kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu; các văn bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- HĐQT, BKS, CBTT;
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH.
NGUYỄN ĐỨC DỪNG



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0201263312

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 29 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG
TÂM LOGISTICS XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN LOGISTICS CENTRE ONE
MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GLC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô đất CN3.2G, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải
Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 02253979550

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 620.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0200453688

Ngày cấp: 01/04/2002 Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành Phố Hải
Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ QUANG HUY

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 25/03/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031079006117

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: P304 A12TT Phương Mai, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 8241..... Quyền số: 1.....-SCT/BS

Ngày 21-01-2026



Phạm Đình Phúc

CÔNG CHỨNG VIÊN
ĐÀO THỊ YẾN

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24...tháng...01...năm 2026.



GIÁM ĐỐC

Dòng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số: 36../HĐCN/GLC-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, 29./08./2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số: 36./HĐCN/GLC-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này được ký kết ngày 29/08/2025 bởi và giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MTV TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Mã số thuế : 0201263312
Địa chỉ : Lô đất CN3.2G, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3979550
Đại diện : Ông Lê Quang Huy
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000146868 Tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666 Fax:
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:

1. Bên A là chủ sử dụng hợp pháp của lô đất **10.120 m²** số sổ: CT: 00899 địa chỉ tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng) và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A lô đất **10.120 m²** tại địa chỉ: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng), để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **“Hợp Đồng”** được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết bởi các bên và tất cả các văn bản khác được các bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp đồng.
- 1.2. **“Tài sản”** được hiểu là tài sản mà bên A chuyển nhượng cho bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp đồng này.
- 1.3. **“Biên Bản Bàn Giao Tài sản”** được hiểu là biên bản xác nhận về việc bên A đã chuyển giao Tài sản cho bên B, được lập bởi bên A và bên B.
- 1.4. **“Giá Trị Hợp Đồng”** được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và bên B đồng ý nhận chuyển nhượng lô đất **10.120 m²** tại địa chỉ: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng)

2.2. Giá trị Hợp Đồng

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **40.000.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng chẵn./).
- Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao cụ thể do hai bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao: Tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và/hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao, các bên lập biên bản bàn giao có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của hai bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài sản.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.
- 5.3. Bàn giao đúng tình trạng, thời gian và địa điểm cho bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với bên B trong quá trình bàn giao, phối hợp cùng bên B lập biên bản bàn giao tài sản.
- 5.5. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ bên B đăng ký chuyển quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao đúng tình trạng, tiến độ theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.2. Kiểm tra hiện trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm hai bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.4. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản thanh toán nào cho bên A khi chưa nhận bàn giao được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp đồng này.
- 6.5. Cử đại diện phối hợp với bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng bên A lập biên bản bàn giao Tài sản.
- 6.6. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho bên A theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.7. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và ngăn cản các bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của các bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và các bên có nghĩa vụ bàn bạc và

phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong hai bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 8.2. Trường hợp một bên vi phạm Hợp đồng, bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 9 Hợp đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, các bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do bên vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm.

Để làm rõ, các bên đồng ý rằng, bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho bên bị vi phạm theo thời hạn do bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp đồng này.
- 9.2. Các bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng này (trong trường hợp này, Hợp đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do vi phạm của bên còn lại.

Nếu một trong hai bên vi phạm Hợp đồng, bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng này và thông tin mà các bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng và sau khi Hợp đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa hai bên.
- 10.2. Hai bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm Hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, hai bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được hai bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp đồng này và các Phụ lục Hợp đồng (nếu có) giữa hai bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của các bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 11.5. Không bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại.
- 11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

SAO Y BẢN CHÍNH

gày...24...tháng...01...năm 2026.



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 37/HDCNTS/GLC-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng 29/08/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 37/HĐCNTS/GLC-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này được ký kết ngày **29**/08/2025 giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Mã số thuế : 0201263312
Địa chỉ : Lô đất CN3.2G, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3979550
Đại diện : Ông Lê Quang Huy
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000146868 Tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:

1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ phương tiện ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 danh mục Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này bao gồm phụ lục 01 kèm theo được ký kết bởi các Bên và tất cả các văn bản khác được các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản, bao gồm: 13 xe đầu kéo, 35 sơ mi romooc 40', 02 xe nâng vò 10T, 02 xe nâng hàng 41T, 03 xe nâng hàng 45T, 01 xe nâng hàng 46T, 05 xe nâng dầu 3T, 01 xe nâng dầu 4,5T, 17 xe nâng điện như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **18.000.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng chẵn.).
Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này được nêu tại **Phụ lục 01** đính kèm **Hợp Đồng**.
- Đơn giá tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và ngăn cản các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
- (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi

phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI SẢN VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Loại phương tiện	Số lượng (phương tiện)	Thành tiền (VND)	Tài liệu kèm theo
I.	SƠ MI RƠ MOOC	35	1.110.000.000	
1	Sơ mi rơ mooc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: JINDAO Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 1999	04	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2	Sơ mi rơ mooc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: KRNG Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2000	03	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3	Sơ mi rơ mooc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: CHIENYOUVN Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2004	02	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Sơ mi rơ mooc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: JUPITER Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2006	02	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Sơ mi rơ mooc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: YINDAO Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2007	03	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
6	Sơ mi rơ mooc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: YINDAO Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2008	04	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

7	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: HUANYA Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2007	04	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
8	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: CIMC Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2009	01	30.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
9	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: KCT Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2012	01	30.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
10	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: KCT Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2013	06	180.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: HOANGSA Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2015	02	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
12	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: KCT Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2018	03	150.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
II.	XE ĐẦU KÉO	13	550.000.000	
I.	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhân hiệu: Freightliner Nước sản xuất: Mỹ Năm sản xuất: 2005	02	100.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Freightliner Nước sản xuất: Mỹ Năm sản xuất: 2007	03	210.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: MAZ Nước sản xuất: Belarus Năm sản xuất: 2006	03	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: FAW Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2008	05	150.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
III.	XE NÂNG VỎ 10T	02	1.550.000.000	
1	Xe nâng container vỏ đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Kalmar Sức nâng: 10T Nước sản xuất: Thụy Điển Năm sản xuất: 2008	02	1.550.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
IV.	XE NÂNG HÀNG 41T	02	2.200.000.000	
1	Xe nâng container hàng 41T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Kalmar Nước sản xuất: Thụy điển Năm sản xuất: 2008	01	1.100.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
2	Xe nâng container hàng 41T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Kalmar Nước sản xuất: Thụy điển Năm sản xuất: 2013	01	1.100.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
V.	XE NÂNG HÀNG 45T	03	6.890.000.000	
1	Xe nâng container hàng 45T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2016	01	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.

2	Xe nâng container hàng 45T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2015	01	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
3	Xe nâng container hàng 45T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2019	01	3.890.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
VI.	XE NÂNG HÀNG 46T	01	1.500.000.000	
1	Xe nâng container hàng 46T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2018	01	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
VII.	XE NÂNG DẦU 3T	05	1.197.000.000	
1	Xe nâng dầu 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD30T3Z Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2018	02	200,000,000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
2	Xe nâng dầu 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD30T3Z Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2022	02	872,000,000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
3	Xe nâng dầu 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD30T3Z Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2015	01	125,000,000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
VIII.	XE NÂNG DẦU 4,5T	01	175.000.000	
1	Xe nâng dầu 4,5T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD45T9 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2015	01	175,000,000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
IX.	XE NÂNG ĐIỆN	17	2.828.000.000	
1	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: BTRRE160	01	60.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.

	Nước sản xuất: Thụy điển Năm sản xuất: 2011			
2	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM-FB 18-8 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2013	01	98.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
3	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM-FB 18-8 Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2014	02	350.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
4	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRHB 18-8 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2013	04	392.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
5	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRSB 14-8 Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2016	04	684.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
6	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRSB 14-8 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2013	03	462.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
7	Xe nâng điện 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRSB 14-9F Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2020	02	782.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
	Tổng cộng	79	18.000.000.000	

SÁO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 01 năm 2026.



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 38/HĐCNTS/GLC-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng 29/08/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ,
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

Số: 38/HĐCNTS/GLC-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này được ký kết ngày **29/08/2025** giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Mã số thuế : 0201263312
Địa chỉ : Lô đất CN3.2G, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3979550
Đại diện : Ông Lê Quang Huy
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000146868 Tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:

1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ máy móc, thiết bị ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 danh mục Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này bao gồm phụ lục 01 kèm theo được ký kết bởi các Bên và tất cả các văn bản khác được các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, Hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **3.600.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ lục 01** đính kèm Hợp Đồng.

- Đơn giá tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chỉ phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và ngăn cản các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi

phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

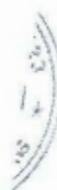
Lê Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



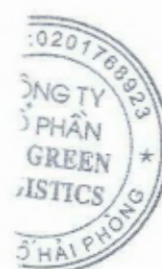
GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải



PHỤ LỤC 01 DANH MỤC TÀI SẢN

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
1	Bàn nâng thủy lực A688FHE	37	999.000.000
2	Máy hút ẩm công nghiệp	15	405.000.000
3	Hệ thống máy chủ	03	114.000.000
4	Hệ thống hạ tầng điện	01	484.000.000
5	Hạ tầng mạng viễn thông điều hành khai thác	01	1.246.000.000
6	Container văn phòng	01	20.000.000
7	Hệ thống thiết bị máy móc khai thác	01	332.000.000
	Tổng cộng		3.600.000.000



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VSC Green Logistics ("GIC");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025;
- Biên bản họp HĐQT ngày 23/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tài sản của bên có liên quan như sau:

- Đối tượng giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh ("GSL"). GSL là người có liên quan của cổ đông lớn của GIC - Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- Giá trị dự kiến: 49.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Nhóm tài sản dự kiến thực hiện giao dịch:
 - ✓ Phương tiện vận tải;
 - ✓ Máy móc, thiết bị.

Điều 2: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thuê đơn vị thẩm định giá (nếu cần), đàm phán các nội dung cụ thể, ký kết các hợp đồng mua bán, các hồ sơ/giấy tờ để kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu; các văn bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- HĐQT, BKS, CBTT;
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC DŨNG



SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200468606

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 06 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 05 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI
BIỂN NGÔI SAO XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN STAR LINES ONE MEMBER
LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: GS LINES

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3836025

Số Fax: 0225.3836722

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 76.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0200453688

Ngày cấp: 01/04/2002

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu
tư Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐỒNG TRUNG HẢI

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 28/12/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031077008290

Chức danh: Chủ tịch Công ty

Địa chỉ liên lạc: Số 12 Hoàng Văn Thụ, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... Quyền số.....-SCT/BS

Ngày 21-01-2026

Đoàn Văn Lăng

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC TTPVHCC
Bùi Xuân Cường

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 169/HĐCNTS/GSL-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI BIỂN NGÔI SAO XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, 29../08../2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 169/HĐCNTS/GSL-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này được ký kết ngày **29**. tháng **08** năm **2025** bởi và giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI BIỂN NGÔI SAO XANH

Mã số thuế : 0200468606
Địa chỉ : Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3836025 Fax: 0225.3836722
Đại diện : Ông Trần Hữu Thắng (Theo ủy quyền số 03/2025-UQ ngày 25/08/2025)
Chức vụ : Phó Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000002566 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “**Bên**” và gọi chung là “**Hai Bên**” hoặc “**Các Bên**” tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:



1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ máy móc, thiết bị ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 Danh mục Tài sản và Giá trị Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này, bao gồm cả các phụ lục kèm theo được ký kết bởi Các Bên và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, Hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do Hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng Giá Trị Hợp Đồng là: **600.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng). Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ lục 01 đính kèm Hợp Đồng**.
- Đơn giá Tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại **Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và/hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản của Hai Bên.**
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bàng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và ngăn cản Các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của Các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi



phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

- 11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- 11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.



ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Thắng



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI SẢN VÀ GIÁ TRỊ NHƯỢNG BÁN

STT	Tên tài sản, tình trạng, quy cách	Số lượng (Hệ thống)	Giá trị (VNĐ)
1	Hệ thống thiết bị xưởng sửa chữa	01	397.000.000
2	Hệ thống thiết bị văn phòng	01	203.000.000
	Tổng giá trị	02	600.000.000



SAO Y BẢN CHÍNH

ngày 21 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Dòng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 170/HĐCNTS/GSL-GIC.

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI BIỂN NGÔI SAO XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, 29/01/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 170/HĐCNTS/GSL-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này được ký kết ngày 29 tháng 08 năm 2025..bởi và giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI BIỂN NGÔI SAO XANH

Mã số thuế : 0200468606
Địa chỉ : Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3836025 Fax: 0225.3836722
Đại diện : Ông Trần Hữu Thắng (Theo ủy quyền số 03/2025-UQ ngày 25/08/2025)
Chức vụ : Phó Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000002566 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:



1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ phương tiện ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 Danh mục Tài sản và Giá trị Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này, bao gồm cả các phụ lục kèm theo được ký kết bởi Các Bên và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản, bao gồm: 123 xe ô tô đầu kéo, 123 sơ mi rơ moóc tải (chở Container) như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, Hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do Hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng Giá Trị Hợp Đồng là: 49.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ đồng chẵn*). Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ lục 01 đính kèm Hợp Đồng**.
- Đơn giá Tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN



- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại **Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và/hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản của Hai Bên.**
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.



- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và ngăn cản Các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của Các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
- (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi



phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

- 11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- 11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.



ĐẠI DIỆN BÊN A

[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Thắng

ĐẠI DIỆN BÊN B



[Signature]
GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC TÀI SẢN VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN NHƯỢNG BÁN

STT	Loại phương tiện	Số lượng (phương tiện)	Giá trị (VNĐ)	Tài liệu kèm theo
I	SƠ MI RƠ MOOC TẢI (CHỖ CONTAINER)	123	11.200.000.000	
1	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CIMC. Năm sản xuất: 2009. Xuất xứ: Trung Quốc.	3	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, somi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: JUPITER. Năm sản xuất: 2008. Xuất xứ: Trung Quốc.	2	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, somi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: JUPITER. Năm sản xuất: 2010. Xuất xứ: Trung Quốc	2	80.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, somi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: MINGWEI. Năm sản xuất: 2010. Xuất xứ: Trung Quốc	2	80.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, somi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CIMC. Năm sản xuất: 2012. Xuất xứ: Trung Quốc	7	350.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, somi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

6	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CHIENYOU. Năm sản xuất: 2013. Xuất xứ: Việt Nam	1	55.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
7	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Hoàng Sa. Năm sản xuất: 2015. Xuất xứ: Việt Nam.	2	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
8	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Hoàng Sa. Năm sản xuất: 2016. Xuất xứ: Việt Nam	1	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
9	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2016. Xuất xứ: Việt Nam	12	720.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
10	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Trường Sa. Năm sản xuất: 2015. Xuất xứ: Việt Nam.	7	420.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2017. Xuất xứ: Việt Nam.	14	980.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

12	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2018. Xuất xứ: Việt Nam.	14	1.120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
13	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2019. Xuất xứ: Việt Nam.	31	2.790.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
14	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: XINHONGDONG. Năm sản xuất: 2019. Xuất xứ: Trung Quốc.	10	900.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
15	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CIMC. Năm sản xuất: 2021. Xuất xứ: Trung Quốc.	15	3.375.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
II	XE Ô TÔ ĐẦU KÉO	123	37.800.000.000	
1	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Xuất xứ: Mỹ. Năm sản xuất: 2005	4	200.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Xuất xứ: Mỹ. Năm sản xuất: 2006	2	140.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Xuất xứ: Mỹ. Năm sản xuất: 2007	21	1.890.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Xuất xứ: Mỹ. Năm sản xuất: 2008	5	600.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: International. Xuất xứ: Mexico. Năm sản xuất: 2010.	8	1.200.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
6	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: International. Xuất xứ: Mexico. Năm sản xuất: 2012	15	2.850.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
7	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Năm sản xuất: 2012. Xuất xứ: Mỹ	3	570.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
8	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: International. Xuất xứ: Mexico. Năm sản xuất: 2013.	25	5.750.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

9	Xe Terberg Terminal Tractor đã qua sử dụng. Năm sản xuất: 2017. Xuất xứ: Malaysia.	5	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
10	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: International. Xuất xứ: Mexico. Năm sản xuất: 2014	20	5.400.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Freightliner Năm sản xuất: 2016 Xuất xứ: Mỹ	4	4.720.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
12	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Freightliner Năm sản xuất: 2016 Xuất xứ: Mexico	11	12.980.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
Tổng Giá trị			49.000.000.000	